

LIÊN HOA

— VẤN TẬP —



LIÊN - HOA TÙNG - THU

— XUẤT BẢN —

THÁNG TƯ NĂM ẤT - MÙI

PHÁT - LỊCH 2518

LIÊN - HOA

VĂN TẬP

TRÍ - DỤNG

V À

NGHIỆP - DỤNG

VẠN pháp hiện tượng đều do tâm tạo, tâm có hai dụng là nghiệp và trí. Trí dụng thuộc về thanh-tịnh giải-thoát, nghiệp dụng thuộc về si-mê chấp-đắm. Si-mê nghĩa là chấp-đắm một cảnh, một ý nghĩ ưa thích của mình, dù là trái với công-lý. Ví như bà mẹ thương con, dù con làm điều quấy vẫn cho là phải. Trí dụng khác hẳn, lấy công-lý làm mục tiêu, chánh trực, công bằng, nhận rõ lẽ phải, nên dù con mình, hay người thân yêu làm điều quấy vẫn biết là quấy.

Người tu hành chính tu tập theo lẽ phải, làm tăng trưởng giác tánh tức là trí huệ sáng suốt. Vì trọng công lý nên xét được điều khuyết điểm của mình, mà tu tập thêm, dù là người

thù địch của mình có làm điều hay, điều phải thì nên tán thán mà bắt chước.

Sở dĩ loài người chia nhiều đảng phái, hãm hại lẫn nhau chỉ vì chấp cái ngã hẹp hòi, mà quên cái ngã của toàn thể tức là đại ngã. Sống trong xã-hội mà không trọng đại ngã, chấp lấy cái ngã hẹp hòi, dù là một đoàn thể, một số đông người bình vực lẫn nhau khoe khoan cái hay, che đậy cái dở cho nhau, như thế cũng chỉ là một tổ-chức sống theo lối hẹp hòi không khi nào đúng chân-lý của xã-hội.

Muốn sống đúng với chân lý, loài người cần phải cầu trí huệ, bỏ bớt tánh chấp ngã hẹp hòi, tu chỉnh các nghiệp xấu xa ích kỷ, mở rộng tánh làm lợi người, nhận các sự lỗi lầm, và sửa mình sống theo chánh lý.

Lời xưa có nói : người nhận một điều lỗi, sẽ tăng thêm một trí tánh, chịu nghe lỗi là người quân-tử, kẻ tiêu-nhân là kẻ kiêu căng, không khi nào thấy được lỗi mình, nên hạng ấy đều dụng tâm theo nghiệp lực. Người quân-tử vì cầu trí huệ nên mỗi mỗi nhận lỗi và tu tập thêm, vậy nên người quân-tử mới có thể dụng tâm theo trí tánh.

Ngày xưa các vị thánh-nhơn sở dĩ làm thánh-nhơn là vì bỏ được lòng chấp ngã hẹp hòi, sống theo cái ngã rộng lớn, là cái ngã của toàn thể. Đã lấy toàn thể làm mình thì phải học tất cả tâm tánh của toàn thể, muốn học tâm tánh của toàn thể phải chịu khó nghe hiểu mỗi mỗi ý kiến, nếu muốn cảm-hoá mọi người cần phải tìm phương thuyết phục theo lý chơn chánh, lý chơn chánh tức là công-lý của nhơn-loại mà cũng tức là chơn-lý của vũ-trụ vạn-vật.

Nói tóm lại, người cầu trí-huệ tức là người bỏ mọi tập-quán, mọi thiên chấp sai lầm, không si-mê một cảnh vật, một lý-thuyết nào hết. Thí-dụ người bạn thân có thể gọi là tâm giao với ta, nếu ngày mai không may họ đã sa ngã theo vật chất cám dỗ, bỏ chí hướng củ, mặc dầu ta rất yêu mến, ta vẫn phải xa lìa, người như thế mới có thể gọi dụng tâm theo trí tánh, vì không bị nghiệp thân ái làm chủ. Lại như một người ở địa vị cao quý danh-vọng to tát, nhưng nếu xét địa vị ấy không thể làm cho đúng chơn-lý họ phụng thờ, người ấy bỏ ngôi-vị, danh vọng một cách nhẹ nhàng, không cần đến ai biết, người như thế có thể gọi theo trí dụng, vì không bị danh vọng làm chủ.

Ồi! loài người còn sống trong vòng danh lợi, tình ái thì toàn là nghiệp dụng dù cho các tôn-giáo cũng vậy, nếu không rõ mục-dịch giải thoát, ly trần của Phật dạy, thì còn quanh quẩn mãi trong vòng trần tục, người còn bị bốn món danh lợi, tình ái làm chủ không khác gì người mù, người mù mà dắt người mù, bảo sao không bị trượt chân xuống hố?

Hỏi ai là kẻ ưu-thời mãn thế, hãy cùng nhau gắng tu tập, bỏ sạch lòng tham danh vụ lợi, cắt đứt giây tình ái, rồi sẽ nói đến chuyện cứu độ muôn người, bằng không được vậy, hãy tự xét lỗi mình, chịu nghe lời phải, cũng có thể lần lần tìm ra trí tánh và bỏ hẳn nghiệp lực vậy.

LIÊN - HOA

BÀI DIỄN-VĂN CỦA “CỰU PHẬT-GIÁO ĐOÀN”

gửi cho ĐẠI HỘI-NHỊ LẦN THỨ 24 CỦA
TÔN-GIÁO VĨNH-VIỄN THẾ-GIỚI HỘI

(họp tại Paris ngày 24 đến 27 tháng 12 năm 1954)

Khi chúng tôi được phép nói chuyện trong buổi Hội-họp quan trọng này, chúng tôi rất vui mừng, nhất là chúng tôi, đệ-tử của Phật, cảm thấy thân-mật quen thuộc trong cái tổ-chức như Hội Tôn-giáo Thế-Giới. Cuộc Hội-họp này đem lại không biết bao nhiêu nguồn hy-vọng. Và sau một thời gian không xa lắm, tín đồ của những tôn-giáo tín ngưỡng khác nhau trên thế-giới sẽ thấy một sự đồng-đẳng duy nhất liên-lạc với các tôn-giáo khác nhau. Thiện-chí đòi hỏi chúng ta một thái độ rộng rãi đối với các tín đồ khác và không có quan-niệm kích bác cho là ngoại đạo.

Kinh thứ 56 của Majjhima - Nikaya (Trung - A - Hàm) tả một nhà triệu phú Upali, đệ-tử phái Ni Kiền-Tử, vừa mới quy-y Phật. Đức Điều-ngự khuyên ông ta hãy suy nghĩ bước chân đi của mình và đừng có quên những bạn đồng hành trước kia, trái lại, nên ủng-hộ giúp đỡ họ. Ngài không bao giờ nói : « Giờ đây người hãy ủng-hộ ta và đừng có ủng-hộ bọn tà kiến ngoại đạo nữa » trái lại, Ngài nhận thấy rằng các tôn-giáo khác cũng có chân-lý của nó và cũng cần phải kính trọng. Với quan niệm cao-siêu của Ngài, Ngài thấy sợi chỉ đỏ của chân lý xuyên suốt ngang các tôn-giáo.

Ông George Grim, sáng lập hội viên của Cựu Phật-Giáo-Đoàn, luôn luôn nhắc nhở các hội-viên khác như sau :

1o) Hành động là kết quả của nhận-thức của suy nghĩ. Người nghĩ gì người sẽ hành-động đúng như vậy. Điều này cắt nghĩa sự sai khác muôn vàn của hành động nhân-loại. Không có người nào là giống như người nào, vì không ai giống nhau cùng trên một nhận-thức, cũng như không có ai trên thế-giới này có khuôn mặt giống nhau.

2o) Lễ dĩ nhiên hành động luân-lý bày tỏ quan niệm chính của chúng ta đối với thế-giới, nhất là đối với chúng sinh cũng vậy. Nói một cách chính xác hơn, trên thế-giới này không có hai người cùng thi hành một động tác luân lý giống nhau.

Điều này chứng tỏ rằng không có một luân lý phổ-cập vì thật ra không có một nhận thức phổ cập đối với sự liên-lạc cuối cùng của chúng ta đối với thế-giới. Kết quả là mỗi người tự cố gắng tìm kiếm một nhận thức đó cho nên họ quên hẳn những tư-tưởng và hành động của những người khác mình.

Phật-giáo công nhận tất cả chúng sanh đều có đức tính như-lai. Người, súc sinh v. . v. đều có Phật-chúng. Người có thể thành Trời, Trời thành người, vật thành người, thành Trời vân vân... Vì thế không có một chúng sinh nào có quyền làm hại chúng sinh khác. Đặc biệt là chúng sinh có trình độ khá cao không được làm hại những chúng sinh thấp hèn yếu đuối. Trái lại, chúng ta phải thương yêu họ, vì đây là kết quả của vô-minh, như bà mẹ thương con dại.

Trí tuệ này là mục-đích chung cho tất cả các tôn-giáo vì nó là ánh sáng chói ngời của chân lý vĩnh-viễn không khi nào gián đoạn.

Một hôm có người trung-tướng đến bạch Phật xem lời nói của quân-sư ấn-độ bảo rằng người lính chết ở trận tiền

sẽ trở thành thiên - thần thắng trận có đúng hay không ? Đức Điều-Ngự đầu tiên không trả lời. Nhưng vì trung-tướng ấy hỏi đi hỏi lại ba lần, cuối cùng Ngài dạy : Nếu người nào ra sa-trường với mục-dịch độc nhất là đê giết, tàn phá, có tâm bất thiện. Nếu với tâm bất thiện này người ấy chết giữa sa trường, người sẽ tái sinh ở địa-ngục chiến thắng. Những ai cho rằng chết ở sa trường sẽ trở thành thiên-thần là có tư - tưởng lầm lạc và tư-tưởng lầm lạc này sẽ đưa họ hoặc đến địa ngục hoặc làm súc sinh.

Đức Phật nhắc lại cho chúng ta hay, tư - tưởng sai lầm làm hại chúng ta và làm hại kẻ khác. Ngài dạy chúng ta quan niệm đúng đắn khiến chúng ta thoát khỏi tư-tưởng lầm lạc.

Chúng ta có thể nói rằng bất kỳ giáo lý nào cũng dạy ta đừng tham dục ; độc-lập và không phụ thuộc, giản dị và không phiền toái hoan-hỷ và không bất mãn, ưa làm lành chứ không ưa làm ác. Với giáo - lý như thế, chúng ta có thể nói rằng : Đây là điều luật, đây là chính lý, đây là lời dạy của đức Thầy .

Ngoài ý-hướng tinh - thần, chúng tôi vừa nói trên, chúng tôi cảm thấy gần gũi với Hội Vĩnh Viễn Tôn-Giáo Thế-giới bằng những cố gắng. Công việc gì để thành lập tổ-chức ấy và việc gì chúng ta sẽ làm ở tương lai ! Chúng tôi rất cảm ơn và cảm động trước sự hiện tồn của Tổ-chức này. Nó sẽ gánh vác một phần lớn chương trình từ-bi hỷ-xã của đạo Phật.

CẦU MONG TẤT CẢ ĐỀU AN LẠC.

*Cựu Phật - Giáo - Đoàn,
Đức-quốc (Germany)*

ĐOÀN KẾT

Đoàn-kết,

Đoàn-kết,

Ấy là một danh-từ mà chúng ta hằng nhắc-nhở. Nhưng muốn thành công rực-rỡ, chúng ta không thể đoàn kết suông trên miệng. Trái lại, cần phải thực hành, nếu không, chúng ta cũng chẳng tránh khỏi lối « đại ngôn » như bao kẻ khác.

Đoàn kết là một sức mạnh vô song, nó sẽ giúp chúng ta gạt được nhiều kết quả dễ dàng trong công việc. Nhìn lui lại quá trình lịch-sử nhân loại, lúc tổ chức đời sống con người trong thời kỳ phôi-thai, giá-trị đoàn-kết lại càng rõ-rệt.

Nhờ đoàn-kết, con người đã đối phó được với bao thú dữ ở rừng sâu, để chung nhau mưu cuộc sống an lành. Nhờ đoàn-kết, con người đã chóng thành công nhiều trong việc phá núi xẻ rừng, mở rộng tinh thần và phạm vi đời sống.

Biết bao nhiêu công việc vĩ-dại mà nhân-loại đã làm ngày xưa với sức một người, sự thành công đâu phải dễ. Song hợp lực của số đông thì thật chẳng khó. Và ngày nay khẩu-hiệu : « Đoàn-kết là sống, chia rẽ là chết » hầu như đã được phổ biến trong các dân-tộc. Đoàn-kết để chung nhau xây-dựng cuộc sống mới, tốt đẹp hơn.

— Đoàn-kết để chống lại bao ngoại ma xâm lược chánh-tri-kiến.

— Đoàn-kết để phục-vụ Hòa-bình và Tự-do cho nhân-loại.

Như trên, chúng ta đã nhận thấy, bất kỳ sống ở thời-dại nào, tinh thần « đoàn-kết » cũng rất cần thiết cho con người. Thiếu nó, chúng ta sẽ thất bại nhiều trong công cuộc xây-dựng chung, và dễ đi vào đường thoái hóa.

Hơn lúc nào hết, hiện tại trong khi nhân loại đương quay cuồng điên đảo, vì mào chiến tranh, đương ngấm ngấm trong tâm trí của con người, dù hiện tạm đã chấm dứt. Phật-tử chúng ta cần phải « đoàn-kết chặt chẽ » để hộ-trì chánh - pháp, tung vãi ánh sáng chơn-lý khắp mọi chân trời để phục-vụ và duy trì cuộc Hòa-bình cho nhân loại.

Tất cả hành-dộng, ý-nghĩ đều phải được nhất thống, kết cấu thành một sức mạnh vô song, hầu sẵn sàng chống trả lại bao cơn cuồng phong ác liệt đang xô đẩy tòa lâu đài Phật-giáo, đạo Hòa-bình của nhân-loại; thời giờ cấp bách, hàng Phật-tử chúng ta không thể đợi chờ. Tương lai Phật-giáo đang đòi hỏi ở mỗi chúng ta tinh-thần ấy.

Tư-tưởng : « chia rẽ người với người » cần phải được gột rửa.

Hãy đoàn-kết chặt chẽ, chung lưng đấu cật, để củng cố duy-trì đạo Phật, để mưu sự hòa-bình.

Đoàn-kết để phụng-sự « sự thật » thực hiện chơn an-lạc, hạnh phúc cho nhân-loại.

Đoàn-kết để chiến-thắng, bao phần tử phá Đạo và phản Đạo làm cho nhân loại trầm luân trong biển khổ.

Cơn cuồng phong đã sắp đến, tòa lâu Phật-giáo đang bắt đầu lay chuyển, vì tính tham, sân, si của loài người quá nặng nề. Chúng ta hàng Phật-tử vì đạo, hãy xả bỏ lòng tự-ái, bệnh chủ quan, tay trong tay xiết chặt đoàn-kết. Sẵn sàng chống đỡ, cứu bớt những nỗi thống khổ của nhân loại.

Giờ đến rồi !!! hàng Phật-tử chúng ta hãy thực hiện tinh thần « đoàn-kết » bảo-vệ Đạo cho đến phút cuối cùng, nhưng, muốn được tinh-thần đoàn-kết, chúng ta phải có các tâm niệm thế nào ? Ấy là vấn đề cần phải nghiên cứu rất ráo, thực hành trong tâm, mới có thể thi-thố với người được :

1^o) Là bỏ tánh ích kỷ, mở rộng tâm lợi tha.

2^o) Là phải từ, bi, hỷ, xả với người mà phải nghiêm khắc với mình.

3^o) Là phải dung hòa nhẫn nhục với người chưa hiểu Đạo.

4^o) Là phải tìm phương giải thích, thuyết phục không táo bạo.

5^o) Là phải kiên-cố nhẫn khổ khi bị nghịch cảnh.

Năm phương pháp trên đây sẽ đưa ta đi đến tinh - thần đoàn-kết, đoàn-kết tất cả với kẻ oán cũng như người thân, một lòng vì pháp quên mình, cương quyết thực hiện chủ nghĩa từ-bi, bác - ái của Đức Phật dạy, mới tạm xứng danh là người Phật-tử.

TÂM - BẢO

NỀN TẢNG XÃ - HỘI CỦA Phật - tử Diển - Điện

*Dịch bài của ông Lãnh - sự Diển-Điện,
H. E. U. Kyin, tại Ấn-Độ. Trong tờ
«Phật-Giáo Thế-Giới» (Buddhist World)
ra ngày 14 tháng 2 năm 1955.*

THÍCH-TRÍ-KHÔNG

Không có xứ nào trên thế-giới người ta có thể nhận thấy rõ ràng tổ-chức xã-hội khởi nguyên ở tôn-giáo bằng ở Diển-Điện. Bất kỳ một du-khách nào đến thăm Diển-Điện lần đầu tiên bằng đường hàng không hay hàng hải cũng đều ghi rõ ấn-tượng của những ngôi chùa cất theo một lối kiến trúc đặt biệt đủ cỡ, hoặc được quét vôi trắng hay có khi chạm bằng vàng. Nếu du khách đi dọc theo con sông ở Rangoon, kinh đô Diển-Điện, du-khách chắc chắn sẽ bị quyến rũ bởi quang cảnh lộng lẫy sáng ngời của ngôi chùa Shwedagon ở bên kia ngọn đồi xa xa phản chiếu ánh sáng mặt trời cùng những ngôi chùa nhỏ màu vàng thăm dọc theo bờ sông êm. Những ngôi chùa này không những tạo thành nét đặc-biệt của phong-cảnh Diển-Điện mà lại là phản ảnh đời sống người Diển.

Dân-tộc Diển-Điện độ chừng 19 triệu, trong số này hơn 16 triệu nghĩa là độ 85% là Phật-tử.

Phật-giáo chỉ dạy con đường đi đến thiện mỹ, đi đến trật tự hòa bình cho nhân loại. Mỗi một Phật-tử đều gắng giữ gìn Panca Sila (Ngũ-giới), đó là : Không giết hại sinh mạng, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Luôn tiện đây chúng ta nhận thấy Năm giới này gần đây đã được người ta uốn nắn vào trong trường ngoại giao chính-trị quốc-tế. Trong Phật-giáo, hơn nữa, còn có nhiều giới-điều khác ngoài những giới-điều tột vừa kể. Phật-tử thuần-thành chẳng hạn, nhân ngày rằm hay mồng một (Ngày trung giới) gắng giữ-giữ bát-quan-trai giới, nhiều hơn ba giới, nếu so với năm giới vừa kể. Lẽ tự-nhiên trong hàng Phật-tử cũng có người xấu kể tốt, cũng như tất cả các tôn-giáo khác. Diển-Điện vì vậy không phải hoàn-toàn không có những người ấy.

Dầu sao, Phật-giáo đã thâm nhập vào Diển-Điện một cách sâu xa hàng thế-kỷ này qua thế-kỷ khác, Phật-giáo đã được các vị Tăng truyền thừa. Hiện nay Diển-Điện có chừng 80.000 vị Tăng. Tất cả quý vị này đều được dân chúng ủng-hộ.

Dưới sự hướng dẫn của chư Tăng và thuận theo phong tục bất kỳ một em nhỏ nào cũng quy-y nhập tự. Trước khi làm Sa-Di em ấy phải biết thế nào là Tam-Bảo (Precious trinity) đó là Phật, Pháp và Tăng-bảo. Ngoài năm-giới thông thường cho hàng Phật-tử, Sa-Di phải có 10 giới, nghĩa là phải giữ thêm giới không ăn quá Ngọ, không ngồi giường cao chiếu rộng, không dùng hương thơm hay các đồ trang-sức, không xem ca múa, xướng hát và không giữ vàng bạc châu báu. Thiếu-niên có thể học những điều này tại ngôi chùa trong làng. Trước khi học giáo-lý, thiếu-niên phải học tiếng Diển-Điện trước, phải học toán v.v. hòng có thể theo đòi các lớp cao hơn.

Cách giáo-dục này tiếp tục ở xứ Diến-Điện xưa tại những ngôi chùa trong làng, nơi thiếu-niên trú ngụ. Như thế, chúng ta thấy rằng ngôi chùa Phật-giáo lúc bấy giờ không những hoàn toàn dành cho tôn giáo mà là nơi học thuật, nơi mà em bé Diến-Điện được học hỏi mà chính cũng nhờ cách tổ-chức này, Diến-Điện có được con số 56% học thức giữa các nam thanh-niên ngày nay.

Một khi em bé trở thành Sa-Di, em liền trực tiếp được dưới quyền hướng dẫn chỉ bảo của một vị Tăng mà cha mẹ đã ký thác. Em bé có thể không hoàn tục và sống đời sống đạo sĩ trong Giáo-Hội. Hoặc em có thể hoàn tục sau một thời gian ngắn làm Sa-di. Thời ấy từ một tuần lễ cho đến một năm. Em bé có thể tiếp tục học hỏi đầu sau khi đã xong nhiệm vụ làm sa-di. Đây là một giai đoạn hết sức nghiêm trọng liên quan mật thiết đến sự nghiệp tương lai của em ấy và sự nghiệp này được trau dồi bởi vị thầy của em bé, vị Sư trong chùa.

Sau đây là bài ca tả cảnh tượng khi em bé từ giã gia đình đến ngôi chùa dựng phía ngoài làng.

Shinbyu hay Thọ giới Sa-di :

Tại giữa làng kia có phòng Thọ giới,
Do dân chúng xây dựng lên để cúng dường,
Phía ngoài có một ngôi chùa, có hàng hiên đã rặng rờ,
Đó là ngôi chùa em bé sẽ đến quy y.
Nếu người đi về phía đông và nhìn đến phía tây làng,
Người sẽ thấy ngôi chùa, ẩn hiện trong những ngôi
tháp cao. Em bé đi đến chùa, ăn mặc gọn gàng sạch sẽ.
Mang lá bùa dựng trong ống dài nhỏ ngang ngực.
Bà mẹ dịu dàng âu yếm hỏi con thân mến
Rằng con sẽ học kinh gì trước hết.

Ngoài công phu tịnh niệm các vị Tăng thường dạy dỗ cho các em thiếu-niên học. Các vị Tăng không những là các nhà lãnh đạo về tôn giáo mà cả về phần trí tuệ. Trong làng bất cứ làm một việc gì, hỏi ý - kiến chư Tăng trước. Sự chung đụng với thế hệ trẻ đem lại ảnh hưởng rất lớn lao cho hàng Tăng sĩ, cho sự diu dặt chỉ bảo công việc trong làng, và vì các vị là các nhà đạo đức nên được dân chúng hết sức kính mến.

Tăng chúng ở Diên-Điện được nhân dân cúng dường những món đặc biệt. Dù cho một người nhà quê nghèo nhất cũng cúng dường cơm cho một vị Tăng trước khi ăn. Trong những ngày trai hội, họ cúng nhiều thứ nào là gạo, các vật thực y, áo, thuốc thang v.v. Bất kỳ người Diên - Điện nào nếu đủ ăn mặc cũng gắng xây dựng chùa hồng mong hưởng được phước đức đời sau và dọn đường đi đến Niết-Bàn. Một Phật-tử phải nhận thấy rằng thế gian là vô thường, hư huyền. Trong xã-hội Diên-Điện muốn trở thành Payadagas (cúng dường chùa) hay Kyayngdagas (tĩnh xá) hơn là trở thành người giàu có. Thật vậy, ở xã-hội Diên-Điện xưa người ta cúng tiền kiếm được để làm những điều phước thiện như vậy. Vì thế, nên chúng ta không thấy có người nào đáng gọi là đại tư bản và nền kinh-tế Diên - Điện. Ngày nay phần nhiều cũng phụ thuộc vào điền này, nghĩa là không được phát triển lắm. Như thế, chúng ta thấy rằng Phật-giáo có ảnh-hưởng rất sâu rộng trong quần chúng Diên-Điện.

Dân tộc Diên từ ngày có lịch-sử đến giờ làm nghề cày ruộng. Đối với họ, cày cấy là phương tiện để sống và là lối sống. Cày cấy là nghề thích hợp nhất với Phật giáo. Cho đến ngày nay dân chúng Diên-Điện cũng dựa vào cày cấy để sinh tồn và thịnh-vượng.

Đời sống giản dị của người dân cây Diến-Điện đã được diễn tả trong nhiều câu ca giọng hò. Sau đây là bài ca « Người cây ruộng » viết ra độ hơn 100 năm :

Người cây ruộng

Trong khi mưa rơi đều trong mùa mưa gió,
Vợ hiền cùng chồng tay dắt tay bước về phía ruộng
Chồng mặc áo rách tả tơi đầu đội khăn mỏ quạ màu đỏ
Và mang theo trong mùa mưa ướt, những người con nhỏ
Trần truồng, trong khi cặm cuội cuốc ruộng,
Miệng ngậm ống diều dài. Và kìa ! người trông thấy
Lỗ rạm (cua nhỏ) nước từ từ rỉ chảy.
Nhái bén ốc nhồi lẫn lộn trong muòn vàn rau cỏ,
Chồng bắt bỏ vào cái rổ con mang bên cạnh sườn.
Chồng sẽ đem về trộn lẫn với rau cỏ nấu một đĩa ngon
Và khi về nhà sẽ chén (ăn) với cơm nóng và ớt dòi
Thong thả khi công việc ruộng đồng đã hết,
Chồng hưởng thụ món ăn ngon lành thú vị,
Và để cho con cái mạnh khỏe chồng ấp chúng vào lòng.

Một trong những điều lo ngại nhất đời của con người Diến-Điện là vấn đề nước. Người dân cây hoàn toàn trông cậy vào mưa đều, và trận mưa này định đoạt sự được mùa hay mất mùa. Việc cây cấy ở nước Diến-Điện xưa là nguồn gốc để sinh tồn và phát đạt. Ruộng của họ không xa làng lắm và vừa đủ để cấy bừa. Họ an hưởng hòa-bình thôn - dã và không cạnh tranh với ruộng vườn. Việc cấy cấy chỉ là công việc thường của gia-đình.

Người phụ nữ Diến-Điện, trái lại, làm việc rất siêng năng. Vật dụng của gia-đình phần nhiều là do tay người phụ nữ hoặc ở ruộng vườn hay trong gia-đình làm ra. Phụ-nữ

cấy lúa, giúp đàn ông gặt, đập và quạt lúa. Nước Diến - Điện xưa, tất cả phụ-nữ đều biết dệt vải. Áo quần chăn màn trong gia-đình đều do người phụ nữ cung cấp. Họ cũng trồng thuốc để cho chồng, cho cha mẹ và chính họ dùng. Họ giã gạo và làm mắm cá NGAPI để ăn với cơm.

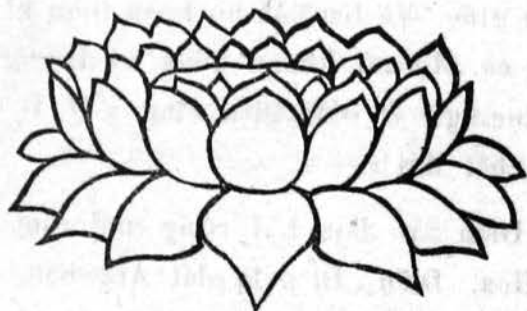
Người phụ-nữ Diến-Điện được nhiều quyền tự do hơn hết. Họ được đối xử bình đẳng dựa theo luật Phật-giáo. Người phụ nữ Diến-Điện khi lấy chồng không phải bị bắt buộc hoặc luật lệ hay phong tục tập quán xóa bỏ tên tuổi riêng của mình hoặc nhất định phải mang tên chồng suốt đời. Hôn phối là vấn đề công dân chứ không phải tôn-giáo và có thể xã hôn được. Gia tài chia đồng đều giữa vợ và chồng nếu có người nào trong hai người chết, người sống sẽ hưởng thụ gia-tài tất cả. Đàn bà góa Diến-Điện có thể tái-giá. Nàng có thể hưởng thụ gia-tài, điều khiển công việc riêng của mình dù khi đã xuất giá.

Phật-tử Diến-Điện luôn luôn tỏ ra thái độ khoan - hòa và hiểu biết đối với các tôn-giáo khác. Chế độ giai cấp không có ở Diến-Điện và họ rất dân chủ đối với mọi tổ chức trong xã-hội, chính-trị, kinh-tế, văn - học v.v... Họ đứng nhiều phương diện mà nói, có tính cách cá nhân hơn các dân - tộc khác. Chẳng hạn người Diến-Điện không có tên riêng hay thánh danh như Thiên-chúa giáo. Và tên của họ hoàn toàn không liên quan gì với gia-đình cả. Họ rất khoan* hồng và lương thiện. Chúng tôi nghe câu tục-ngữ ở Diến-Điện rằng « Ở Diến-Điện không có người nào chết đói ».

Đó là xứ Diến bao bọc bởi rừng núi rộng lớn của Ấn-Độ và Trung-Hoa. Diến - Điện là đất Arcadian, đất của chùa chiền, của bảo cái tràng phan, của sông ngòi, thung lũng, của cánh đồng rộng mênh-mông của xa-cù mã não, và có người

nói, của những người phụ-nữ tươi như hoa. Ptolemy, nhà địa-
du học gọi xứ này là « Chrysee Ragio », Hoàng bán đảo. Trong
thế kỷ thứ hai người du lịch Anh đã viết : « Vào tháng 11,
khi cánh đồng ruộng mênh mông màu xanh thắm từ tháng
5 đến tháng 10 trở thành vàng cháy trùm khắp lưu-vực sông
Irrawaddy, đồng quê nước Dili thật là hoàng.kim ». Điều này
rất đúng cả nghĩa bóng và nghĩa đen. Vì lúa, sự thật đối
với người dân Diến-Điện là vàng ròng.

Diến-Điện phát triển xã-hội của mình dựa trên tư-tưởng
Phật-giáo. Hoạt động của xã-hội Diến-Điện chịu ảnh hưởng
Phật-giáo rất nhiều. Thật vậy, Diến-Điện với cảnh trí thiên
nhiên của xứ sở, là một nước hạnh phúc, có thể cười, chơi,
chiến đấu và hy sinh. Trong trận chiến tranh lần thứ hai,
quân nhân đến đồn trú, và sau khi hòa bình trở lại quân
lính Tưởng-Giới-Thạch đến chiếm đóng, cũng những vụ xung
đột quân sự, vẫn không thể nào phá tan được nỗi vui giản-
dị của người dân Diến. Chính nhờ tinh thần Phật-giáo đã
khiến cho xứ này trở thành một nước luôn luôn với nụ
cười trên môi. Phật-giáo, lúa gạo, nước non là hạnh phúc
chính của người dân Diến-Điện.



Lấy đồng sâu ruộng cạn làm vui.
Tiêu dao ngày tháng thành thời,
Mặc ai danh lợi, mặc đời lợi danh.
Áng công khanh sang giàu mấy chốc,
Rốt cuộc rồi một giấc hoàng lương.
Ái ân càng lắm vẫn vương.
Như đem tơ thắm dệt màu tử sanh.
Bởi vô minh nên mình bắt giặc,
Nẻo luân hồi khó thoát cho ra,
Chi đường nhờ Phật Thích-Ca,
Soi đèn chơn-ly khuyên ta tu-hành.
Dạy chúng sanh làm lành lánh dữ,
Khuyên người đừng sanh sự sự sanh.
Muốn cho thế-giới hòa-bình,
Dứt đường sát hại gây tình tương thân.
Mở lòng nhân xa lẫn tham dục,
Đem từ-bi bủa khắp quần sanh.
Xưa nay nhọn quả dành rành,
Thương người người lại thương mình chẳng sai.
Dám khuyên ai vâng lời Phật dạy.
Gieo nhân lành sẽ thấy quả vui.
Đợi chi thành Phật xa xuôi,
Hiện tiền sống một cuộc đời vô-tư.
Lời tâm sự nước từ từ kể,
Lóng tâm tư trăng sẽ sẽ nghe,
Xa xa bên cánh đời kia,
Ngọn đèn chơn-ly sáng lòa đêm thâu.

THÈ - QUÁN

EM CHỜ SÁT SANH

Trời càng chiều, mưa càng nặng hột, sư-cô cười bảo tôi: Vũ vô thiết tỏa nắng lưu khách, thôi chị ở lại đề xữ cái vụ sản khi trưa cho xong kéo mắt lòng điệu Ngô.

Bạch-Yến mừng rỡ hiện cả nơi bộ tịch.

Bạch-Yến — Ở lại đi chị, khi mai chị đã xin phép má rồi kia mà...

Tôi còn dụ dụ, thì Bạch-Yến đã bảo: đề em xuống nấu giúp sản với điệu Ngô nhé, Bạch sư-cô, chiều chỉ ăn cháo với sản thôi ư?

Sư-cô — vâng, có quý khách, thêm một nồi sản chờ chị nữa.

Bạch-Yến như chim họa-mi nhảy nhót chạy xuống bếp.

Điệu Ngô ơi! sản đâu đưa Yến gọt với điệu, rồi hai người vừa làm việc vừa nói chuyện tâm tình.

Bạch-Yến — Vì sao điệu Ngô đi tu hở điệu?

Điệu Ngô — Em yêu Phật chứ sao!

Bạch-Yến — Nhưng ban đầu gặp Phật ở đâu mà điệu yêu mới được chứ?

Điệu Ngô . - Phật ở nhà chứ ở đâu, bà nội em có thờ Phật, ngày nào bà cũng bảo em hái hoa dâng Phật, em thấy lúc nào Ngài cũng cười với em, vì thế nên em yêu ; rồi một hôm bà nội mời mấy sư-cô về nhà em thích quá, xong lễ, em xin ba mẹ cho lên chùa chơi, ở luôn hai ba hôm, mẹ lên đem về, em trốn dưới bàn thờ Ngài Địa-Tạng, không chịu về, bà nội và mẹ khóc nên em phải về, nhưng được ít lâu em lại bỏ học trốn lên chùa, cứ thế hai ba phen, ba mẹ chán, rồi cho em ở luôn.

Bạch - Yến — Ừ hay quá nhỉ, thế điệu theo sư-cô bao lâu ?

Điệu Ngô — Ba năm rồi, từ ngày em lên chín — năm nay em 12 tuổi.

Bạch-Yến — Thế à, Yến hơn điệu một tuổi đấy, Yến hỏi thật, điệu có thềm thịt không ? Yến đem cúng điệu nhé ? ăn lên sư-cô không biết đâu.

Điệu Ngô — Không, chị đừng nói bậy, thật đấy, ngày em ở nhà, khi nào bà nội ăn chay em cũng ăn theo, có khi đến ba bốn hôm luôn, sau ngày chay, mẹ thương thế nào mẹ cũng hầm bồ-câu hoặc gà cho bà và em ăn, nhưng em thấy nó nằm chèo queo trong nồi, trông như đứa con nít em thương lắm, em không ăn đâu nghe. Một hôm, mẹ em mua hai con gà nhỏ, mẹ em trói chân nó lại, mẹ ngủ trưa, em chạy xuống lấy cơm cho nó ăn, em ngồi một bên nên nghe nó nói :

Bạch-Yến ! Điệu nói hiện nguy, gà mà biết nói !

Điệu Ngô — Thật chị ạ !

Bạch - Yến — Nó nói sao ?

Điệu Ngô — Nó nói : chị cứu em với chị ơi ! Chị cho

em về với mẹ em đi, em nhớ mẹ em lắm, chắc hiện giờ mẹ em cũng nhớ em lắm, em không ăn đâu ! Bà bắt trời em thế này, chắc ngày mai bà sẽ làm thịt em, em sợ quá, chị cứu em với, rồi nó khóc chị ơi !

Bạch-Yến — Nó khóc ?

Điệu Ngô — Thật, nó khóc chị ạ, em thương quá.

Bạch-Yến — Rồi điệu làm sao ?

— Trên cặp mắt tròn xoe đen lánh của em bé đồng nữ vô tư bất giác long lanh hai giọt lệ.

Bạch-Yến — Rồi điệu làm sao hở điệu ?

Điệu Ngô — Em mở trời và thả quách nó, em vừa đuổi vừa bảo : chạy mau đi, hai em chạy mau chạy mau.

Bạch-Yến — Thở dài sung sướng, ồ, thích quá nhỉ. Điệu nói Yến lại nhớ, tháng trước má dọn tiệc, má cũng làm gà điệu ạ, má làm vịt nữa, má kẹp hai chân nó lại rồi má chọc huyết, nó cũng vẫy nó kêu la, má nổi xung má vả nó nữa điệu ạ, chắc nó cũng nói mà mình không biết điệu nhỉ !

Điệu Ngô — Ừ nó cũng nói chứ sao — Nó kêu : trời dặt ơi có ai cứu khổ cứu nạn cho tôi với không ? Người ta bắt tôi, giết tôi, oan tôi lắm trời ơi !

Bạch-Yến — Bịt tai, thôi điệu đừng nói nữa, Yến muốn khóc quá, từ nay khi nào má làm heo làm gà, Yến nhứt định không cho đâu nhé !

Điệu Ngô — Ừ, má chị yêu chị, chị nói chắc má nghe — sư cô bảo : Sát sanh tội nặng lắm đấy, chị xem có ai bắt mình làm thịt đâu, mà mình bắt người ta, mình làm thịt ?

Bạch-Yến — À điệu Ngô ơi ! Chuột tha đậu khuôn kia kia.

Điệu Ngô — Ấy, chị làm người ta giật mình, người ta sợ tội chết.

Bạch Yến — Người ta nào ?

Điệu Ngô — Người ta chuột ấy.

Bạch-Yến — Trời ơi, chuột mà điệu kêu người ta à ?

Điệu Ngô — Ừ, sư-cô bảo con gì cũng kêu họ bằng người ta cả, vì họ cũng biết ưa sống sợ chết như người ta kia mà.

Bạch-Yến — Ừ nhĩ, vậy đề Yến biểu điệu một con người ta tam thẻ đề họ bắt người ta chuột nhé.

Điệu Ngô — Không, sư-cô không cho nuôi vì sợ sát sanh.

Bỗng nghe đùng một tiếng thật to, tưởng súng bắn gần, hai trẻ thất sắc xích lại gần nhau, tự nhiên mặt điệu Ngô trắng bạc — chị ơi lung nôi chị ạ, sẵn hết cả nước cháy đen. Bạch Yến lo lắng cho bạn, nhẹ nhàng hỏi : Sư-cô có đánh không ?

— Không, sư-cô không đánh nhưng chắc chắn bị quì hương.

Bạch-Yến bảo : thôi tối quì hương, Yến lên quì với điệu.

Sư-cô đứng dậy cười bảo : Bạch-Yến gặp điệu Ngô tha hồ mà chuyện, sẵn, cháo cũng đến cháy khê, tôi phải nự giá thân chinh mới được.

Thấy sư-cô, điệu Ngô khóc òa ; sư-cô bảo : nôi lung rồi, phải không con ? Con ham chơi đề sẵn cháy, nôi lung, đáng lẽ phải quì hương đấy, nhưng thôi lần đầu cô tha cho, giờ dọn cháo lên ăn kéo tối rồi.

SƠN - NỮ

HƯƠNG BÁT DIỆT

(Dịch kinh Pháp-cú)

Sau khi giác-ngộ, Đức Thế-Tôn đi giáo-hóa từ La-Duyệt-Kỳ đến nước Xá-Vệ. Trong lúc Ngài đang thuyết pháp ở Xá-Vệ, bấy giờ có một người đi buôn tên là Ba-Ly, cố chỉ vượt bể tìm vàng ngọc để bố-thi. Thuyền của Ba-Ly đương đi vùn vụt trên giòng sông Hằng, bỗng gặp một chiếc thuyền lộng lẫy, chủ nhân của thuyền ấy là người cao sang, có đeo vòng hoa bằng ngọc ở cổ. Lúc hai chiếc thuyền đến sát nhau, chủ nhân chiếc thuyền kia múc một gáo nước, hỏi Ba-Ly :

— Sánh với nước sông, nước đây nhiều hay ít ?

— Nhiều. Nhưng nước sông nhiều mà vô ích khi cần cứu một người chết khát, còn gáo nước kia tuy ít, nhưng ai khát cho uống thì cứu được mạnh họ, phước ấy đời này tiếp đến kiếp khác không bao giờ cùng.

— Nhân giả nói phải lắm ! Vừa nói chủ nhân thuyền kia vừa để gáo nước xuống, cởi vòng hoa bằng ngọc đang đeo nơi cổ mướn tặng Ba-Ly. Được vừa chỉ rồi, Ba-Ly vội vàng đem về dâng vua Ba-Tư-Nặc.

Ba-Tư-Nặc hỏi : — Nhân giả cần gì không ?

— Chỉ cần nhà vua đem của đời vàng ngọc này, rồi tự tay Ngài đem bố-thi cho quần chúng mà thôi.

— Tốt lắm ! Nhưng cảm đức của người, tôi muốn tặng người một địa-vị xứng đáng.

— Địa-vị đâu có bố-thi được. Xin nhà Vua yên tâm.

Sau khi theo lời Ba-Ly, đời nhiều tài sản và bố-thi xong ; Ba-Tư-Nặc sai gọi tất cả phi-hậu ra để xem ai nhất thì tặng cho chuỗi ngọc ấy. Tất cả các phi-hậu đều đi ra với sự trang sức diễm lệ. Nhưng trong số đó chỉ thiếu hoàng-hậu Mạc-Ly, Ba-Tư-Nặc hỏi người hầu cận :

— Sao vậy, tại sao Mạc-Ly lại vắng mặt trong lúc này ?

— Hôm nay ngày rằm, hoàng-hậu thọ « tám trai giới », ăn mặc đồ tổ-phục (1) không trang sức được, nên không ra.

— À, hoàng-hậu giám trái lệnh ta chăng ?

Ba-Tư-Nặc bực tức lắm, sai người mời ba bốn phen không được, nổi giận đùng đùng liền hầm hầm đến tư thất của hoàng-hậu Mạc-Ly. Nhưng trên hình ảnh đức Thế-Tôn nhìn xuống, dưới cặp mắt hiền từ, nghiêm nghị của Mạc-Ly nhìn thẳng vào Ba-Tư-Nặc không chút xao xuyến. Tư

(1) quần áo trắng, tắm thường

thất lại sắp đặt giản-thanh. Ngần ấy thứ, làm dập tắt lòng tức giận của Ba-Tư-Nặc. Ba-Tư-Nặc đòi ý, dịu dàng hỏi :

— Sao hôm nay hoàng-hậu thần sắc khác thường vậy ?

Với giọng kinh cần, hoàng-hậu đáp :

— Sinh làm đàn bà, tôi tự xét hoàn cảnh không được nhiều điều may mắn, tội ác ngày đêm dồn chứa nhiều như núi, sự sống lại ngắn ngủi, không thể làm lợi ích cho mình và người được. Vì thế, tôi quyết tâm cắt đứt ái-ân, thật hành theo thánh đạo ; hầu mong đưa mình và người thoát khỏi hố hầm đau khổ.

— Hoàng-hậu làm thế, lòng ta hoan-hỷ lắm. Vậy xin hoàng-hậu nhận vòng ngọc này cho chủ nó được phước !

Ba-Tư-Nặc vừa đưa chuỗi ngọc ra vừa kể rõ việc Ba-Ly đem cho. Nghe xong, hoàng-hậu Mạc-Ly thản nhiên.

— Nhưng hôm nay tôi thọ « Tâm trai giới » không thể nhận chuỗi ngọc ấy được.

— Hoàng-hậu là người bậc nhất trong các phi-hậu, lại biết sống theo Chánh Pháp, giờ đây hoàng-hậu không nhận thì lòng ta sao yên ?

— Hoàng-đế chịu khó đem đến hỏi đức Thế-Tôn.

Ba-Tư-Nặc nghe lời, đem vòng hoa bằng ngọc ấy đến dâng lên đức Phật, bạch rằng :

— Vòng hoa này đệ-tử của đức Thế-Tôn là Ba-Ly không ham nên đem cho con, con cho lại hoàng-hậu Mạc-Ly cũng là đệ-tử của Ngài, hoàng-hậu không tham nên không nhận, vậy con biết làm sao ?

— Nhà vua hãy làm theo chỉ nguyện của các người ấy : Xõ vòng hoa ngọc ra bố-thí cho người nghèo khổ.

— Nhưng bạch đức Thế-Tôn : Giữ giới không ham muốn như những người ấy thì có công đức gì ?

— Nhân giả ! Vòng ngọc chuỗi hoa chỉ làm tăng thêm một chút duyên dáng bề ngoài ; chứa-chất ngọc tri huệ, hoa phước đức thì đời đời đẹp đẽ, sáng tươi.

Bay theo gió, những hương vị ngào ngạt của cây quí sẽ tỏa khắp cho tất cả muôn phương cũng như người biết sống đúng chánh pháp, người ấy sẽ tỏa khắp hương vị thơm tho vì diệu của phước đức cho mọi người xung quanh.

Thơm như gỗ chiên-đàn, như hoa sen, nhưng không bằng hương thơm của tịnh giới.

Hương của hoa tuy thơm, nhưng không thơm bằng hương hoa « giữ giới ». Hương hoa tỏa đến tận cùng những nơi an lạc.

Giới đầy đủ, hạnh không suy-khuyết, định lại siêu-việt, chỉ ngần ấy cũng đủ thoát ly sanh tử rồi,

Nói xong mấy bài tụng trên đây, đức Thế-Tôn lại bảo vua Ba-Tư-Nặc :

— Nhân giả ! Năng lực của trai giới có thể soi sáng và tô đẹp cho đời sống của chúng ta một cách vĩ đại. Nhân giả ! Núi cao nhưng nhìn thấy, bề cả còn do được, duy trai giới thì mệnh mỏng không có giới hạn, bởi phước đức cùng trí giác có thể dẫn người đến giải thoát vô-thượng.

Lời đức Thế-Tôn dạy, gầy cho Ba-Tư-Nặc và những người nghe một niềm tin vui vô hạn.

HỒNG - MAI



VUI TRONG ĐAU KHỔ

(Dịch kinh Pháp-cú)

Một hôm Phật-Đà cùng đệ-tử vào thuyết pháp trong thành La-duyet-Kỳ, lúc ra về gặp chàng thanh niên đang lừa một bầy bò vừa ăn no, nhảy vọt và húc nhau. Thấy vậy, Đức Thế-Tôn nói mấy bài tụng sau đây :

Người đi chăn đưa roi chần, lừa bầy bò, cũng như thế, già chết chăn nuôi và lừa kéo sinh mệnh đi mà nào ai có biết !

Xưa nay, hàng trăm hàng nghìn người chứ không phải một, chứa cát của cải cho lắm, cung dưỡng thân-thể cho nhiều, nhưng rồi không ai khỏi điêu tàn chết chóc.

Sống nghĩa là ngày đêm sinh mệnh bị công-kích, bị tước dần, cho nên sự sống tiêu mòn đi in như bờ đất bị nước xoi lở.

Lúc về tinh-xá, tôn giả A-Nan liền bạch Phật.

Bạch Thế - Tôn ! Vừa rồi trên đường về Đức Thế-Tôn

có nói ba bài tụng nhưng chúng con không hiểu hết lý nghĩa, xin Thế - Tôn từ-bi chỉ giáo cho.

— An-Nan ! Trên đường về vừa rồi ông có thấy người lừa bầy bò không ?

— Bạch có.

— Người ấy là người thợ thịt. Bò của anh ta có đến 3.000 con, cứ ngày ngày lừa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tốt cho ăn, rồi lựa con nào to béo thì làm thịt để bán. Giết hơn một nửa rồi mà bầy bò ấy không con nào biết số-phận của mình ra sao cả. Chúng vẫn thản nhiên vui-vẻ, húc nhau, nhảy vọt, kêu rống, ăn chơi... Tôi cảm thương chúng nó nên nói mấy bài tụng vừa rồi.

Nhưng A-Nan này ! Có phải riêng chỉ người chăn bò và bầy bò ấy mới như thế đâu, nhân loại cũng có lắm người vùi mình trong hoàng cảnh tương tự như như thế. Họ chấp trước « bản ngã », không biết bản ngã chỉ là sự chuyển biến liên tiếp. Vì thế, họ tham lam dục lạc cung dưỡng thân xác, rồi sung sướng khoái chí họ sát hại lẫn nhau, húc chết sự sống của nhau mà không biết là mình đang húc nhau với cái chết ! Trong khi đó, bên cạnh sự sống, vô thường chết-chóc lạnh lẽo tiến đến, thế mà họ vẫn ngang - nhiên không hay không biết, có khác gì bầy bò kia ?

Phật dạy như thế, trong số được nghe có những người xưa nay cung dưỡng thân thể quá đáng liền tỉnh ngộ, tự cố gắng khuyến khích mình sống theo sự thật. Nhờ thế, nên không bao lâu họ đều chứng được vô-sanh (1) quả.

HỒNG - MAI

(1) Vô-sanh = không còn sanh tử nữa.

Sự tích

ĐỨC XÁ-LỢI-PHẬT

Lấy tài liệu ở quyển
LIFE OF VENERABLE SARIPUTTA

của Ngài Carada

(tiếp theo)

Đời hiện tại.— Tháng ngày trôi qua, đã mấy muôn thế-kỷ, đã mấy lần đời thay. Trong cái biến chuyển, ta thấy có cái không hề di chuyển, chỉ hướng tự nghìn xưa vẫn là chỉ hướng ngày nay và ngày mai, có chuyển đi chẳng là từ nhân đến quả, nhưng chẳng bao giờ tiêu diệt.

Không biết xưa kia thành-phố Vương - Xá có tồn tại, hay thay vào đó một thế-giới thần tiên?...

Trong lũy dưa xanh, giữa một dinh - thự lộng lẫy tại làng Upâtissa, thường thường người ta gọi là Valaka, không xa thành Vương-Xá lắm, một thiếu - niên đang chơi đùa. Thiếu - niên ấy chính là Sarada, vị đạo-sĩ trầm mặc quen thuộc của chúng ta. Thiếu-niên là con của Vanganta, một Bà-la-môn giàu có và rất thanh thế, ảnh-hưởng. Thân - mẫu người là bà Sari trẻ đẹp thuộc giòng Bà-la-môn. Cha mẹ đặt tên người là Upatissa vì gia - đình của người cao quý nhất làng, sau đó người có tin khác, tên quen thuộc với chúng ta hơn : Sàriguitta, nghĩa là con của Sari (Xá-lợi-tử). Người có 3 anh em Upasena, Cunda, Revata and ba chị em : Cālā, Upacālā và Stsupacālā. Người là anh cả trong gia-đình.

Mặc dầu sanh trong gia-đình Bà-la-môn, quan-niệm về kiếp sống, về nhận loại của người không đóng khung trong bốn bức tường Vệ-đà, người muốn tìm, muốn học hỏi một con đường sáng, chân chính có thể đưa người đến giải-thoát, chân-lý, cũng như thân bằng quyến thuộc và chúng sinh đương đọa đày trong kiếp sống tử sinh, người muốn đạt được bình-ngạn. Người đã từ giả tôn giáo truyền thống bước vào một đạo-lý khoa-học, hợp lẽ, dung hòa hơn là của đức Gautama.

Anh chị em theo dấu chân người, nhưng thân phụ vẫn giữ đạo Bà-la-môn cho đến ngày tạ thế. Thân mẫu, trái lại, quy y Tam-Bảo, tin tưởng Phật-lý khi ngài gần qua đời.

Người cũng như vô số thiếu niên khác, sinh trưởng vào một gia-đình sung túc, giàu có, sống trong nhung đệm, trong ngọc ngà, học hỏi tất cả các ngành nghệ thuật khoa học đương thời.

Trong quãng đời niên-thiếu bằng phẳng ấy, Upatissa đã hết sức sung sướng khi gặp Kolita, người bạn chí thân từ vô thủy kiếp về trước, cũng như vô số kiếp về sau.

Hôm ấy là ngày lễ lớn, tràn hạt như sáng rực lên với cờ xí tàng lọng, nhân dân sung sướng trang điểm đẹp đẽ, không khí như văng vẳng tiếng nhạc, và thơm ngát mùi nước hoa, mùi gỗ chiên đàn và tràng hoa vô giá ; đó là lễ Giragga Samajja.

Đôi bạn trẻ, Upatissa và Kolita (sau là Xá-Lợi-Phất và Mục - Kiền - Liên) xuống giá, trèo lên trên đỉnh đồi để ngắm đám rước đi ngang qua với những đoàn vũ-nữ đẹp như tiên, dịu dàng như liễu rủ và tươi cười như hoa hàm tiếu. Đoàn này đến đoàn khác, những đội nhạc-công phục sức lộng lẫy, những đoàn vũ-nam thân trần bóng láng trang điểm thứ áo làm bằng kim khí, bằng bạc, vàng với những cái xúc-xích quanh cổ

chân, cõ tay, cánh tay, đầu, trái tai và ngực. Từng bước chân đi là từng điệu nhạc rung lên. Sau đó là bầy voi chậm - chạp từng bước một. Nhưng đôi bạn trẻ đó không cảm thấy vui sướng, họ không thể thốt ra những tiếng hò reo tán-thưởng như đám thanh - niên quanh họ, tâm hồn họ không phải già trước tuổi, nhưng nặng trĩu với ý nghĩ sâu xa hơn, họ nghĩ đến cái vô-vị của trò đời, của kiếp sống phù trần, của nhân loại, họ quyết tâm cùng nhau tìm đường giải - thoát.

Hai bạn trẻ, cùng một chí hướng, một mục đích, nhận rõ sự biến dịch của vạn vật, quyết tâm rời bỏ gia - đình thân thuộc để sống cuộc sống thanh đạm của nhà đạo-sĩ, để đi tìm chân-lý, tìm chân sự.

Trên con đường nghìn dặm họ từ nay cất bước, không tới, không quân hầu, không báo tin cho cha mẹ hay, họ lẳng lẳng ra đi, từ xứ này đến xứ khác. Họ đã hiểu thêm được tập-quán, tính-tình, đời sống thường dân và cảm thấy tuy phong tục mỗi chỗ mỗi khác, và mặc dầu đôi khi phong tục tập quán là bức thành ngăn cản sự thực, nhân dân vẫn cảm thông được nhau qua lòng thành thực và chí phụng sự.

Hai vị trước tiên đến nhà đạo-sĩ nổi tiếng Sanjaya, vị này có 500 đệ-tử và xin thụ-giáo. Nhưng chẳng bao lâu họ thông hiểu tất cả giáo-lý của thầy, và cảm thấy giáo-lý ấy không làm sao đưa họ đến giải-thoát, dắt họ đến mục-đích cuối cùng mong ước, đến cảnh giới ngoài sinh tử, ngoài đau khổ. Không mãn nguyện, họ rời Thầy ra đi để tìm Đạo-lý Thanh-Bình. Họ đã đến phỏng vấn, đàm đạo với nhiều vị Bà-la-môn, đạo - sĩ danh tiếng, nhưng không đâu đưa lại sự thỏa mãn, sự mong ước bấy lâu.

Đường đã dài, nhưng biết làm sao. Chân-lý không thể kiếm tìm ? Giòng đời cứ phải trôi chảy mãi một chiều : sống rồi chết, chết rồi sống ? Làm để ăn, ăn để làm ? Cái nợ tử sinh vạn đại không sao thuyên chuyễn được chăng ? Trời đã xẻ chiều, bóng hoàng hôn nước nở xuống lưng đồi, đen tối lại bao trùm thế-giới, khi nào sẽ bình minh, bình minh của ngày mai, của kiếp người, của chúng sinh ? Hai vị lữ thủi quay về nhà và hẹn với nhau nếu ai khám phá được chính-đạo phải lập tức tin cho nhau hay.

Trời ửng hồng, những tia nắng xiên qua kẽ lá. Tịnh - xá Phật trú-ngụ sáng rực ánh mặt trời buổi mai hòa lẫn màu cà-sa vàng của các nhà truyền đạo. Đức Phật thong thả lên Pháp tọa giữa tiếng tán thán không ngớt của hàng đệ-tử. Phút nao-nhiệt qua, nhường lại sự tĩnh-mĩnh, linh-thiên. Chung quanh pháp-tọa 60 đệ-tử của Ngài ngồi cung kính lắng nghe lời chỉ dạy. Không khí thanh-thanh, yên-tĩnh đến nỗi người ta có thể nghe tiếng lá rụng. Đức Điều-Ngự với dáng mặt hiền-từ, thông minh, với giọng nói như tiếng chim Ca-lăng-tần-Già, bảo hàng đệ-tử : « Đây các tỷ-kheo, tạ là người đã thoát mọi triền phược thế-gian cũng như triền phược thiên-giới. Các người cũng vậy, đã thoát hẳn mọi ràng buộc — Đây tỷ-kheo, hãy cẩn thận trong cuộc du-hành truyền - đạo vì hạnh-phúc, vì lợi-ích cho chúng sanh, vì lòng từ thương xót toàn thế giới, vì sung sướng, hạnh-phúc lợi ích cho trời và người. Các người không nên đi chung một ngã đường. Hãy giảng-giải chính-pháp tối-hảo lúc ban đầu, lúc giữa cũng như lúc cuối cùng, đầy-đủ ý-nghĩa và tỷ-mỷ, hãy truyền-dạy kiếp sống cao thượng, hoàn-toàn và tinh-khiết. Giữa này còn một số chúng sinh có ít vô minh phiền-não.

(còn nữa)

DANH TỪ

PHẬT-GIÁO

1) **SA-DI** : Sa-di là tiếng Phạn, Tàu dịch *Tức-từ* : bỏ ác làm lành. Chỉ cho hành nam-giới sau khi vào tu đạo đã thọ trì 10 giới-pháp y vào 10 giới điều ấy mà tu hành, để diệt trừ những ý nghĩ và hành động độc ác, cầu chứng đạo tịch-diệt. Có ba hạng Sa-di :

a) Từ 7 đến 15 tuổi gọi là « *khu-ô Sa-di* ». Các²điều nhỏ mới vào ở chùa, vì chưa làm được những việc to tát, nên bổn-phận họ chỉ giúp đỡ chúng tăng trong những việc nhẹ, như coi giữ vườn nhà, hầu hạ quý thầy...

b) Từ 14 đến 19 tuổi gọi là *Ứng-pháp Sa-di* : Những vị này đã thọ trì 10 giới làm, chính thức trong hàng ngũ Sa-di.

c) Từ 20 đến 70 tuổi gọi là *Hình-dồng Sa-di* : Hạng này vì xuất-gia quá muộn hay do căn trí ám độn nên tuy số tuổi đáng làm tỳ-kheo mà thực-tế thì 10 giới sa-di chưa thọ.

2) **THỨC - XOA MA - NA** : Tàu dịch *Học-giới-nữ* : Hàng Nữ-giới đã lớn tuổi mới đi xuất-gia ; trước khi muốn thọ Tỳ-kheo-ni giới phải thọ 6 giới thức-xoa-ma-na trong thời hạn hai năm. Nếu trong hai năm giữ 6 giới hoàn-toàn sẽ được thọ cụ giới. Trái lại, nếu phạm một trong 6 giới thì phải làm lễ thọ giới lại và bắt đầu kể từ ngày làm lễ thọ giới lại ấy cho đến khi đủ hai năm mới được thọ Tỳ-kheo-ni giới.

3) **TAM-ĐỨC** : Thanh-tịnh-đức, Nhu-nhuẩn-đức và Nhu-pháp-đức (không phải ba đức pháp thân, Bát-nhã và giải-thoát của Niết-bàn). Ba đức ở đây là những vật cúng dường Phật, Tăng cần phải trong sạch, mềm dịu, dâng cúng đúng thời đúng pháp.

40) **LỤC-VỊ** : Sáu mùi vị : Chua, cay, ngọt, đắng, mặn, lạt.

50) **A-LA-HÁN** : Tàu dịch *Vô-trước*, nghĩa là không đắm trước cuộc sống trong tam giới. Hoặc dịch *Bất-sanh* : đã đoạn-kiến tư phiền não đời sau không còn phải thọ sanh trong ba cõi. Vì có năng-lực đoạn-trừ 98 sử phiền não nên cũng gọi là *Sát-tặc* Phiền não phần thô đã hết nên về phần đức hạnh đáng được hưởng sự, cúng dường của Trời và người, gọi là *Ứng-Nhơn-Thiên-Cúng*, hay nói tắt là « *Ứng cúng* ».

60) **Phước-diễn** : Phước diễn nghĩa đen là ruộng phước, nghĩa bóng chữ diễn là có năng-lực sản-xuất, phát sanh. Có ba:

a) **Kinh diễn** : Đối với Tam-Bảo mình sanh tâm cung-kính cúng-dường, nên được phát sanh phước đức.

b) **Ăn diễn** : Ăn ở hiếu thuận với những người mình mang ơn như cha mẹ, thầy... nên được phước đức.

c) **Bi diễn** : Đối với chúng sanh bị bệnh tật, khổ não, mình tận tụy giúp đỡ, vì thế được phát sanh phước đức, nên gọi phước diễn là thể.

70) **TỨ-TẮT-ĐÀN** : Tắt đàn Tàu dịch *Biến-thí* nghĩa là bố-thí một cách cùng khắp. Tứ-tắt-dàn là : Thể-giới tắt-dàn, Vị-nhơn tắt-dàn, Đối-trị tắt-dàn, và Đệ nhất nghĩa tắt-dàn.

a) **Thể-giới tắt-dàn** : Đức Phật tùy thuận lòng ưa muốn của tất cả thể-giới chúng sanh để nói pháp giáo hóa — (tánh cách chung).

b) **Vị-nhơn tắt-dàn** : Tùy theo trình độ của từng người để dắt dìu họ (tánh cách riêng) trên đường tu-tiến.

c) **Đối-trị tắt-dàn** : Tùy từng căn bệnh của mỗi một chúng-sanh mà thuyết-pháp đối trị như người tham sắc thì khuyên họ tu phép « quán thân bất-tịnh »...

d) **Đệ nhất nghĩa tắt-dàn** : Sau khi đã trải qua ba giai-đoạn trên, thấy căn tánh của chúng - sanh đã thuần thực, bấy giờ sẽ nói « thật tướng » của các pháp để người tu-hành có thể chứng ngộ lại thường trú chân tâm của mình.

80) **LỤC HÒA** : Sáu món hòa kính để áp dụng trong đời sống thật-thề của hàng đệ-tử xuất-gia.

a) **Thân hòa đồng trú** : Thân cùng chung sống với nhau dưới một chỗ, sự thọ dụng về vật chất giống nhau.

b) **Khẩu hòa vô tránh** : Không cãi vả, rầy rà nhau, luôn luôn sống trông niềm tin yêu vui-vẻ.

c) **Ý hòa đồng duyệt** : Bất luận một người nào trong hàng tăng chúng, nếu muốn làm việc gì cần phải hỏi ý-kiến và có sự tán đồng của đa số mới được thi-hành.

d) **Kiến hòa đồng giải** : Người nào trong chúng có một việc gì hay điều gì thắc-mắc chưa hiểu thì cần phải chỉ vẽ giảng giải cho nhau biết.

đ) **Giới hòa đồng tu** : Đồng thọ trì một thứ giới pháp của Phật để tu-hành.

e) **Lợi hòa đồng-quân** : Khi có một lợi-dưỡng gì, thì phân chia cho nhau một cách bình đẳng.

90) **TAM-CHƯƠNG** : Nghiệp chướng, báo chướng, và phiền não chướng.

a) **Nghiệp chướng** : Những hành-động do thân, khẩu, ý tạo ra nó có sức mạnh trói buộc ta vào trong sanh tử không được giải-thoát, tự-tại nên gọi là chướng.

b) **Báo chướng** : cũng gọi là sanh-tử-chướng, nghĩa là vì tạo hữu-lậu-nghiệp nên mãi mãi phải bị quả báo sinh-tử luân-hồi không xuất ly tam-giới được.

c) **Phiền-não-chướng** : Những phiền-não, như kiến, tư-hoặc, vô-minh, trần-sa-hoặc, những món ấy làm chướng-ngại cho công việc tu-tiến của mình.

10) **HỘ-PHÁP** : Những vị thiện thần thường có mặt trong các già-lam (chùa) để ủng hộ các vị tu-hành ; ngăn ngừa những kẻ mạnh tâm phá hoại Phật-pháp, để chánh-pháp được tồn-tại, làm lợi-ích cho tất cả chúng-sanh, (Phần nhiều các vị này là do Bồ-tát hóa thân).

TIN TỨC PHẬT-GIÁO

THỪA - THIÊN

Lễ rước Xá - lợi - Phật ở Huế có 10 vạn tín-đồ hưởng ứng. Từ thành thị đến thôn quê 3 ngày không buôn bán, chợ không lấy thuế, lò thịt không sát sanh, dò dưa không lấy tiền.

Đoàn rước Phật có 40 xe hoa, mỗi khuôn thịnh độ bày một kiểu hoặc Phật sơ-sanh, Phật nhập-niết-bàn v. v.

Một điều đáng chú ý là không dùng súng ống, roi vọt giữ trật tự, mà đoàn rước mấy vạn người vẫn im lặng, nhà nhà treo đèn, đóng hương án, khắp cả tỉnh thành, dưới sông đèn sáng, trên đường rải đầy hoa, khói trầm hương nghi ngút một góc trời, thậm chí có nhà rất nghèo mà cũng trang hoàng tráng lệ.

Rất đáng khen là vẻ im lặng của tín-đồ trang nghiêm thanh tịnh, dù các hạng người nam, phụ, lão, ấu, văn, võ, nông, công thương không thiếu một hạng nào, khi xe Xá-lợi đi ngang, người người đều quỳ lạy sát đất.

Mặc dầu nắng hạ gắc gao, đoàn người rước Xá-lợi từ 8 giờ đến 12 giờ, hình như không nhớ đến ngọn nắng chiếu ở đầu trần, vẫn nghiêm nghị một niệm mà đi im lặng.

Cao cả thay Đức Từ-bi của Phật cảm hóa một cách sâu xa.

Các chùa ở Huế, ngày hôm ấy đều đánh chuông u - minh và tụng kinh, Trừ các vị Tăng-già đi rước theo đoàn, tín-đồ đi rảo xe, các chùa từ núi non đến thành thị, không chùa nào là không nghe tiếng chuông và tiếng tụng kinh.

Thật là một ngày lễ đáng kỷ-niệm cho tín-đồ.

MỘT TÍN NỮ Ở HUẾ

TIN TỨC PHẬT-GIÁO

THỀ - GIÒI

ANH QUỐC

Lễ Phật - Đản năm nay tổ - chức tại Anh rất long trọng. Tại Luân-đôn hai tổ-chức Phật-giáo : Hội Phật-giáo Luân-đôn, thành-lập đã hơn 50 năm nay và Hội Phật-Giáo Vihara vừa thành-lập năm ngoái, phần nhiều do người Tích - Lan cai quản đã tổ-chức lễ Vía một cách trọng thể tại hai hội-quán. Hơn 600 người đến dự lễ Khánh-đản do Hội Phật-Giáo Anh tổ-chức vào đêm 6 tháng 5 và hơn 100 người đến dự lễ tại Hội Phật-Giáo Vihara. Buổi lễ tại Hội Phật-giáo Anh đã đem lại ảnh-hưởng cho Phật-tử Anh-quốc bao nhiêu thì buổi lễ ở Vihara làm giảm giá-trị bấy nhiêu vì quan-niệm hẹp-hòi của họ.

Các chi - nhánh của Hội Phật - giáo Anh tại Edinburgh, Birmingham, Briton, Cambridge v.v. đều có tổ-chức lễ Khánh - Đản rất trọng - thể.

Chương trình buổi lễ đại-khái gồm có truyền Tam - quy, Ngũ-giới xong một số Phật-tử thọ Bát-quan-trai-giới và một vị được cử lên để giảng sự-tích cùng ý-nghĩa Đản-sanh của Phật. Ngoài ra có giờ tụng kinh và mật-niệm quán-tượng.

LỚP HỌC PHẬT - PHÁP

Hội Phật-giáo Anh nhận được rất nhiều thư-từ của dân chúng xin mở lớp Phật-pháp mở lòng cho họ theo. Hội Phật-giáo định sẽ làm theo ý-nguyện của họ một ngày gần đây. Hiện nay hàng tuần hội có những lớp học Phật cho những người đã am-hiểu đạo Phật cùng lớp tập tu thuyên bằng lý - thuyết và thực - hành.

LỚP HỌC HÈ

Năm nay cũng như những năm trước đây, Hội Phật-giáo Anh có mở những lớp học Phật về mùa hè cho các Phật-tử thế-giới. Hiện nay số người nạp đơn đã nhiều cho nên vài chỗ thiếu. Vô số Phật-tử từ Mỹ, Đức, Thụy-Sĩ và Thụy-Điền nạp đơn học, chương trình học sẽ gồm những bài giảng do các giáo-sư Phật-học có tiếng giảng và những buổi đi thăm tàng-cổ viện và những nơi có liên quan với Phật-giáo.

MỸ - QUỐC

Phật-giáo tại California. Chúng tôi vừa nhận được thư của ông Alan watts cho hay rằng hiện nay California đang chú tâm khuyến khích các trung-tâm-điểm tu-học Thuyền-tôn vì số hội-viên càng ngày càng đông. Chúng tôi đang mong đợi những quyển sách dịch ra tiếng Anh của ông Alan watts và những bạn người Trung-hoa cộng-sự trong đó có kinh của Ngài Huệ-Năng.

Ngôi chùa Phật-giáo tại Hoa-Thịnh-Đốn. Chúng tôi vừa hay tin rằng các Phật-tử Hoa-Thịnh-Đốn đang dự định lập một ngôi chùa tại Hoa-Thịnh-Đốn cho Phật-tử tại đây có chỗ chiêm-bái và học hỏi Phật lý. Ông Chun Prabha, người làm việc ở Sứ-quan Thái nói rằng chùa này dùng chung cho tất cả các Tôn-phái Phật-giáo. Người ta đoán chừng rằng hơn 100.000 Phật-tử ở Mỹ.

NHẬT - BẢN

Hội Phật-giáo Liên-bang Nhật-bản vừa rồi đã họp và sáp nhập tất cả các Tôn-phái tại Nhật-bản. Hơn 80.000 ngôi chùa đều sáp nhập tổ-chức này. Đây là một công cuộc rất vĩ-đại đánh dấu một kỷ nguyên mới trong lịch-sử Phật-giáo Nhật. Hội này hy-vọng sẽ giao thiệp với các Hội Phật-giáo Thế-giới của các nước khác.

DIỄN - ĐIỆN

Công-cuộc xây dựng Thư-viện và Viện-nghiên-cứu mà Thủ-tướng Diễn-Điện ông U-Nu vừa làm lễ đặt đá năm 1954, hy-vọng sẽ hoàn - thành năm nay. Ông U.Hpe Aung, giáo sư tại trường Đại-học Rangoo và ông U.Hla Maung tại trường Moulmein hiện nay đang tòng học tại Mỹ để trở thành những người Giám-đốc Thư-viện. Chính-phủ Diễn và sở Ford ủng-hộ và trợ-cấp công-cuộc xây dựng này.

HỘI PHẬT - GIÁO HÀ - LAN

Một nhóm Phật-tử của Phật-giáo Hà-Lan vừa mới tái lập các buổi họp mặt để học hỏi Phật - lý. Hàng tuần lúc 8 giờ tối vào ngày thứ ba đều có buổi họp chung tại nhà ông E.H. Vervaal, Haringkade, 145, The Hague. Số điện-thoại : 540.444.

Trong buổi họp các Phật - tử Hà - Lan sẽ đưa ra những vấn đề Phật - pháp để bàn cãi và sau đó có người đem kinh Phật ra cắt nghĩa và cuối cùng có lớp học và tập tham-thuỳn.

Chúng tôi rất tiếc mà báo tin rằng ông Robert The Tjong Tjioe, một trong những Phật-tử rất thuần thành và rất hoạt - động của Phật - giáo Hà - Lan vừa qua đời. Ông là người tin tưởng vào tôn Hoa - Nghiêm và ông thường nói : Thánh nhân thấy « đồng trong dị, dị trong đồng, nhất tức nhất - thiết, nhất-thiết tức nhất ».

PHÁP QUỐC

Lễ Khánh-Đản năm nay tại Pháp cũng làm lớn hơn những năm trước. Trong buổi lễ này hội Ái-hữu Phật-giáo (Les amis du Bouddhisme) có mời Đại-Đức Rahula và các vị khác giảng thuyết và trao lễ tam-quy, ngũ-giới.

MỤC - LỤC

	Trang
1) TRÍ DỤNG VÀ NGHIỆP DỤNG	3
2) BÀI DIỄN-VĂN CỦA CỤU PHẬT-GIÁO ĐOÀN	6
3) ĐOÀN KẾT	9
4) NỀN TẢNG XÃ-HỘI CỦA PHẬT-TỬ DIỄN-ĐIỆN	12
5) VĂN THƠ	19
6) MỤC NHI ĐỒNG: a) EM CHỜ SÁT SANH	21
b) HƯƠNG BẮT DIỆT	25
c) VUI TRONG ĐAU KHỔ	27
7) SỰ TÍCH ĐỨC XÁ-LỢI PHẬT (tiếp theo)	29
8) DANH-TỪ PHẬT-GIÁO	33
9) TIN TỨC PHẬT-GIÁO THỪA-THIÊN	36
10) TIN TỨC PHẬT-GIÁO THẾ-GIỚI	37